

LÔ 2:

**VẬT TƯ THIẾT BỊ CÓ CHẤT THẢI NGUY HẠI
GỒM CÓ PHỤ LỤC 3, PHỤ LỤC 4, PHỤ LỤC 5, PHỤ LỤC 6,
PHỤ LỤC 7, PHỤ LỤC 8B**



PHỤ LỤC 3
DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH LÝ KHO 261, 269

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(14)	
Kho: LJ1 - NG_LJ1_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 261						
Danh mục đề nghị thanh lý:						
1	3.56.90.030.VIE.00.000	MBA 3P (T3) 30KVA 15KV 220-440V	Cái	2.00	không sử dụng được	
2	3.56.90.101.VIE.00.000	MBA 3P (T3) 50KVA 35/0.4KV-VB	Cái	1.00	không sử dụng được	
3	3.56.90.110.VIE.00.000	MBA 3P (T3) 50KVA35/0.4KV	Cái	1.00	không sử dụng được	
4	3.56.90.350.VIE.00.000	MBA 3P (T3) 75kVA 22/0.4kV	Cái	1.00	không sử dụng được	
5	3.56.22.902.INA.00.A80	MBA 1x25kVA 8,6-12,7/0,23kV	Cái	1.00	không sử dụng được	
6	3.56.90.998.VIE.00.A80	MBA 3P (T3) 15/0.4kV 2000kVA	Cái	1.00	không sử dụng được	
Kho: LJ2 - NG_LJ2_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 262						
7	3.60.55.010.000.00.D10	Điện kế 1 pha	Cái	2.00	Cũ kém phẩm chất.	
8	3.60.90.011.000.00.D10	Đế điện kế 1P (hộp điện kế)	Cái	36.00	Đề nghị thanh lý	
9	3.62.95.697.000.00.E10	Tủ điện switch board 24kV-200A	Cái	1.00	Hư hỏng	
10	3.62.95.696.000.00.E10	Tủ điện switch Disconnecter 95kV-630A	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
11	3.64.14.022.000.00.F00	Tụ bù hạ thế 20KVAR	Cái	41.00	Đề nghị thanh lý	
12	3.64.14.049.000.00.F00	Tụ bù hạ thế 30KVAR	Cái	18.00	Lạc hậu kỹ thuật	
13	3.34.40.510.USA.00.000	SWITCH FOR A/O-200A	Bộ	13.00	Lạc hậu kỹ thuật	
14	3.60.36.066.VIE.00.C60	Điện kế điện tử 3P 3 giá 5(10)A GT 57.5/100V, 3x240/415V (không module) (DKD)	Cái	4.00	Cũ kém phẩm chất.	
15	3.42.76.427.USA.00.000	2 AMP PANEL FUSE	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
16	3.62.65.100.RUS.00.000	Tần số kế 220V 45-50HZ	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
17	8.75.80.550.RUS.00.000	Nhiệt kế kỹ thuật 0 - 1000	Cái		Lạc hậu kỹ thuật	
18	8.71.02.000.000.00.E10	Đồng hồ đo 220V-50hz- 25A	Cái	1.00	Hư hỏng	
19	8.71.82.802.000.00.E10	Ammeter ME96-250/5A	Cái	16.00	hư hỏng	
20	3.50.90.053.000.00.F00	Bộ test Block MMLG01 (Altom)	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
21	5.16.48.006.000.00.F00	Battery 6v-2,5A	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
22	3.62.65.040.RUS.00.000	Máy đo tần số Y3 54 LX	Bộ	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
23	5.50.10.402.000.00.E10	Battery 24V 8A 9316	Cái	1.00	Hư hỏng	
24	4.94.80.315.000.00.D10	Pin 3V	Cái	19.00	Lạc hậu kỹ thuật	
25	3.82.13.040.000.00.F00	Card FXA100-1(204381761)	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
26	3.82.13.041.000.00.F00	Card FxAO 136001	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
27	3.82.13.042.000.00.F00	Card KFXA102-2	Cái	3.00	Lạc hậu kỹ thuật	
28	3.42.76.305.USA.00.000	SET SCREWS CB 24KV-630A	Bộ		Lạc hậu kỹ thuật	
29	8.71.06.051.000.00.F00	Đồng hồ đo ampe 0-50A	Cái	13.00	Lạc hậu kỹ thuật	
30	8.71.82.504.000.00.E10	Đồng hồ đo 1-1.5bar	Cái	3.00	hư hỏng	
31	3.88.86.040.ITA.00.G10	TỤ BÙ 20KVAR 400V -3P	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
32	5.20.00.193.000.00.F00	Bộ đàm YM31	Cái	3.00	hư hỏng	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
33	5.65.90.008.000.00.D10	Màn hình vi tính phổ thái	Cái	5.00	Hư hỏng/Không sử dụng được	
34	5.65.90.013.CHN.00.D10	CPU phổ thái	Cái	5.00	Hư hỏng/Không sử dụng được	
35	8.90.20.267.000.00.F00	Khăn giấy dầu hotline	Hộp	10.00	Lạc hậu kỹ thuật	
Kho: LJ6 - NG_LJ6_Hệ thống kho Tổng công ty - kho 283						
36	3.53.05.110.000.00.000	Biến dòng điện (CT) 600V 50/5A 5VA CCX 0,5	Cái	16.00	Lạc hậu kỹ thuật	
37	3.53.50.320.000.00.000	Biến dòng điện (TI) 15KV 150/5A	Cái	2.00	Loại các điện dầu	
38	3.53.50.600.000.00.000	Biến dòng điện (TI) 15KV 60/5A	Cái	3.00	Loại các điện dầu	
39	3.53.50.697.000.00.000	Biến dòng điện (TI) 15KV 400/5A	Cái	5.00	Loại các điện dầu	
40	3.53.50.760.000.00.000	Biến dòng điện (TI) 15KV 75/5A	Cái	2.00	Loại các điện dầu	
41	3.53.65.275.000.00.000	Biến dòng điện (TI) 24KV 150/5A	Cái	1.00	Loại các điện dầu	
42	3.56.00.072.000.00.000	Biến điện áp (TU) 7200/120V	Cái	3.00	Loại các điện dầu	
43	3.64.14.304.000.00.000	Tủ bù hạ thế 3 pha 415V-30KVAR	Cái	1.00	Lạc hậu kỹ thuật	
Kho: kho công ty DV Điện Lực miền nam.						
44	3.56.90.112.IND.00.D10	Biến điện áp kiểu tủ 123kV 110kV:sqrt3/110V:sqrt3, 50VA	Bộ	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
45	3.62.95.031.000.00.D10	Tủ điều khiển lưới tiếp địa	Cái	2	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
46	3.62.95.092.000.00.D10	Tủ biến điện áp 24kV	Tủ	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
47	3.62.95.129.000.00.D10	Tủ nạp ắc quy 3P 220/380V input 110VDC	Tủ	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
48	3.62.95.132.000.00.D10	Tủ máy cắt lộ ra 24kV	Tủ	4	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
49	3.62.95.935.000.00.D10	Tủ điều khiển từ xa MBA 110kV	Cái	1	Hàng dư thừa không thể sử dụng được	
Vật tư tiêu hao (Tháo dỡ văn phòng làm việc trong kho)						
48		Máy lạnh National 2HP Model CU 1803KH	Cái	1	Hư hỏng	
49		Máy điều hoà KK Panasonic	Cái	1	Hư hỏng	
50		Máy lạnh 1,5HP	Cái	1	Hư hỏng	
51		Máy Điều Hòa Nhiệt Độ	Cái	1	Hư hỏng	
52		Máy Điều Hòa Nhiệt Độ	Cái	1	Hư hỏng	
53		Máy điều hoà không khí Panasonic	Cái	1	Hư hỏng	
54		Máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng	
55		Máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng	
56		Máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng	
57		Máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng	
58		Máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng	
59		Máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng	
60		Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	Hư hỏng	
61		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
62		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
63		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
64		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
65		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
66		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
67		Camera hong ngoại	Cái	1	Kém phẩm chất	
68		Hệ thống Camera	Cái	1	Kém phẩm chất	
69		Máy lạnh các loại	Cái	1	Hư hỏng	

Như

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Tình trạng chất lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(1-4)	
70		Máy lạnh National 2HP Model CU 1803KH	Cái	1	Hư hỏng	
71		Máy điều hoà KK Panasonic	Cái	1	Hư hỏng	
72		Máy lạnh 1,5HP	Cái	1	Hư hỏng	
73		Máy Điều Hòa Nhiệt Độ	Cái	1	Hư hỏng	
74		Máy Điều Hòa Nhiệt Độ	Cái	1	Hư hỏng	
75		Máy điều hoà không khí Panasonic	Cái	1	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi (Công trình sửa chữa nhà Số ... đường Âu Cơ...)						
76		Dàn nóng	Cái	45	Hư hỏng	
77		Dàn lạnh	Cái	35	Hư hỏng	
78		Phụ kiện (ê ke)	Cấp	15	Hư hỏng	
Vật tư thu hồi kho 262						
79		TỦ 22KV 2 súng	Cái	17	Hư hỏng	
80		Tủ bù 12,7KV, 100KVAR	Cái	8	Hư hỏng	
81		Tủ bù 12,7KV, 200KVAR	Cái	1	Hư hỏng	
82		Máy cắt tụ bù	Cái	2	Hư hỏng	
83		Biến dòng (TI) 24kV, 50-100/5A	Cái	3	Hư hỏng	
84		Biến dòng (TI) 24kV, 40/5A	Cái	2	Hư hỏng	
85		Biến dòng (TI) 24kV, 300-600/5A	Cái	3	Hư hỏng	
86		Biến dòng (TI) 22kV, 25-50/5A	Cái	3	Hư hỏng	
87		Biến dòng (TI) 22kV, 150-300/5A	Cái	3	Hư hỏng	
88		Biến dòng (TI) 22kV, 300-600/5A	Cái	1	Hư hỏng	
TỔNG CỘNG:						

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐỀ NGHỊ THANH LÝ

STT	Mã số TSCĐ	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
(1)		(2)			(12)	
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH - PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN (XE Ô TÔ) CỦA BAN QLDA ĐLMN						
1	1,310,101,000,000,010	XE MAZDA 4 CHO BS : 52S - 0006 SM FS- 307158 SK GE 10S2M	chiếc	1	Hư hỏng	
2	1,310,102,000,000,000	XE TOYOTA CAMRY XLI SO 52S6615 SM 5S- 4352294 SK53K300X779608 5 CHO	chiếc	1	Hư hỏng	
3	1,310,102,000,000,010	XE TOYOTA LANDCRUISER 8 CHO BS: 52T-3600 SM1FZ- 0499920 SK 0	chiếc	1	Hư hỏng	
4	1,310,102,000,000,010	XE MITSUBISHI 7 CHO BS: 52S-2282 SM6G72- HX8428 SK RLA 0 0V3	chiếc	1	Hư hỏng	
5	1,310,102,000,000,010	XE CON 5 CHO NGOI BS: 52X-4013 SM: AJ358792 SK:	chiếc	1	Hư hỏng	
6	1,310,102,000,000,010	XE OTO FORD ESCAPE XLT BS: 52X-4472 SM AJ360464	chiếc	1	Hư hỏng	
7	1,310,102,000,000,010	XE OTO FORD ESCAPE XLT BS: 52X-4362 SM AJ 359517	chiếc	1	Hư hỏng	
8	1,310,102,000,000,010	XE OTO TOYOTA CAMRY 2,4G BS: 52X-5218 SM: 2AZ-1457089 SK : 8003294	chiếc	1	Hư hỏng	
9	1,310,102,000,000,020	XE OTO FORD ESCAPE XLT BS: 52X-5308 SM: AJ360464 SK: 02683	chiếc	1	Hư hỏng	
TỔNG CỘNG:						

PHỤ LỤC 5
DANH MỤC TSCĐ THU HỒI THANH XỬ LÝ NĂM 2025

STT	Mã TSCĐ	Tên nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
1	SPCNG-0000099	MAY IN LASER A3, HP 5200 DTN, so may CNHXJ80229, mau trang	Bộ	1	Hư hỏng
2	SPCNG-0000204	Máy vi tính MacBook Air hiệu Apple Số seri CO2JL1D7DRVG-CO2JL1D7DRVG	Bộ	1	Hư hỏng
3	SPCNG-0000007	Hệ thống PCCC nhà xe Cơ quan -máy bơm TOHATSU SM 176-06300-OBO	Cái	1	Hư hỏng
4	SPCNG-0000268	Máy pha cà phê DELONGHI ECAM650.75.MS	Cái	1	Hư hỏng
5	SPCNG-0000088	Máy sấy dầu	Cái	1	Hư hỏng
TỔNG CỘNG:				5	



PHỤ LỤC 6
DANH MỤC CCDC THU HỒI (VĂN PHÒNG) THANH XỬ LÝ NĂM 2025

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
I	Danh mục nằm trong kiểm kê 01.01.2025					
1	TCT.CK.2110.59002948CHN.00008	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
2	TCT.CK.1707.49470381VIE.00004	Ghế nhân viên	Cái	1	hư hỏng	
3	TCT.CK.1707.49470381VIE.00006	Ghế nhân viên	Cái	1	hư hỏng	
4	TCT.CK.1707.49470381VIE.00012	Ghế chân quỳ, đệm bọc da	Cái	1	hư hỏng	
5	TCT.CK.1011.89460913VIE.00003	Máy vi tính	Bộ	1	hư hỏng	
6	TCT.CK.1507.89460913VIE.00001	Máy in laser A4	Cái	1	hư hỏng	
7	TCT.CK.1707.49470381VIE.00003	Ghế nhân viên	Cái	1	hư hỏng	
8	TCT.CK.1707.49470381VIE.00005	Ghế nhân viên	Cái	1	hư hỏng	
9	TCT.CK.1208.89460904VIE.00003	Máy ghi âm KTS	Cái	1	hư hỏng	
10	TCT.CK.1310.89460913VIE.00002	Máy in Laser A4	Cái	1	hư hỏng	
11	TCT.CK.1511.59002937VIE.00014	Điện thoại Panasonic KX-TG6461	Cái	1	hư hỏng	
12	TCT.CK.1405.89460908VIE.00001	Máy lọc không khí	Cái	1	hư hỏng	
13	TCT.CK.1511.59002937VIE.00012	Điện thoại Panasonic KX-TG6461	Cái	1	hư hỏng	
14	TCT.CK.1711.59002968VIE.00002	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
15	TCT.CK.2011.88802128000.00002	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	hư hỏng	
16	TCT.CK.2012.49460007000.00047	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	hư hỏng	
17	TCT.CK.1803.88802035000.00001	Máy vi tính (Core i5)	Cái	1	hư hỏng	
18	TCT.CK.1812.49470010000.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
19	TCT.CK.2012.49460125000.00031	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	hư hỏng	
20	TCT.CK.2012.59002804000.00033	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	hư hỏng	
21	TCT.CK.2012.88802312000.00001	Máy tính bảng 512GB	Cái	1	hư hỏng	
22	TCT.CK.2012.88840017CHN.00020	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
23	TCT.CK.2012.89010095CHN.00028	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	hư hỏng	
24	TCT.CK.1508.88802064VIE.00002	Máy tính bảng IPAD AIR 2 64GB	Cái	1	hư hỏng	
25	TCT.CK.1604.88860085VIE.00001	Máy in màu xách tay Canon IP 110	Cái	1	hư hỏng	
26	TCT.CK.2012.59002804000.00019	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	hư hỏng	
27	TCT.CK.1705.88840017VIE.00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	hư hỏng	
28	TCT.CK.1906.88840017VIE.00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	hư hỏng	
29	TCT.CK.1412.83094670VIE.00001	Máy Scanner	Cái	1	hư hỏng	
30	TCT.CK.1312.89460908000.00001	Máy lọc không khí	Cái	1	hư hỏng	
31	TCT.CK.2205.88840017MAS.00041	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
32	TCT.CK.1907.49470010000.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
33	TCT.CK.2101.49470010VIE.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
34	TCT.CK.1112.89470001000.00004	Tủ lạnh	Cái	1	hư hỏng	
35	TCT.CK.1812.49470121VIE.00003	Ghế xoay lưới	Cái	1	hư hỏng	
36	TCT.CK.1812.49470098VIE.00001	Ghế xoay lưới	Cái	1	hư hỏng	

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
37	TCT.CK.1908.88840017VIE.00002	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	hư hỏng	
38	TCT.CK.2005.88802128VIE.00004	Máy tính bảng IPAD AIR2 128GB	Cái	1	hư hỏng	
39	TCT.CK.1307.89460913VIE.00003	Máy in Laser	Cái	1	hư hỏng	
40	TCT.CK.1811.49470898VIE.00008	Ghế xoay lưới	Cái	1	hư hỏng	
41	TCT.CK.1308.88800022VIE.00002	Máy Fax Panasonic	Cái	1	hư hỏng	
42	TCT.CK.1901.52000009VIE.00001	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	hư hỏng	
43	TCT.CK.1901.52000009VIE.00002	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	hư hỏng	
44	TCT.CK.1312.89460013VIE.00002	Máy vi tính	BỘ	1	hư hỏng	
45	TCT.CK.2308.59002968000.00005	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
46	TCT.CK.1309.89460013VIE.00001	Máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
47	TCT.CK.2101.59002948000.00003	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
48	TCT.CK.2004.88802016VIE.00002	Máy tính bảng IPAD AIR2 128GB	Cái	1	hư hỏng	
49	TCT.CK.1803.49460080VIE.00001	Máy in laser A4	Cái	1	hư hỏng	
50	TCT.CK.1803.88802035VIE.00002	Máy vi tính (Core i5)	Cái	1	hư hỏng	
51	TCT.CK.1412.89460908VIE.00004	Máy lọc không khí	Cái	1	hư hỏng	
52	TCT.CK.1807.88800021VIE.00001	Máy ghi âm KTS	Cái	1	hư hỏng	
53	TCT.CK.1807.88802129VIE.00001	Máy tính bảng 32GB	Cái	1	hư hỏng	
54	TCT.CK.1612.59002968VIE.00001	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
55	TCT.CK.2012.59002804000.00058	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	hư hỏng	
56	TCT.CK.1512.88860080VIE.00001	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	hư hỏng	
57	TCT.CK.2005.49470218VIE.00003	Ghế lãnh đạo	Cái	1	hư hỏng	
58	TCT.CK.1807.88840017VIE.00001	Máy tính xách tay Dell XPS 9350 (Core i5)	Cái	1	hư hỏng	
59	TCT.CK.2012.88802128000.00003	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	hư hỏng	
60	TCT.CK.2012.49460970000.00005	Tivi led 70 inch	Cái	1	hư hỏng	
61	TCT.CK.1407.83094670VIE.00001	Máy Scanner	Cái	1	hư hỏng	
62	TCT.CK.2203.59002304000.00001	Ổ cứng di động 4TB	Cái	1	hư hỏng	
63	TCT.CK.2003.49480715VIE.00001	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	hư hỏng	
64	TCT.CK.1204.89090049000.00001	Bình chữa cháy bột khô	Cái	1	hư hỏng	
65	TCT.CK.1204.89090049000.00002	Bình chữa cháy bột khô	Cái	1	hư hỏng	
66	TCT.CK.1204.89090049000.00003	Bình chữa cháy bột khô	Cái	1	hư hỏng	
67	TCT.CK.1204.89090049000.00004	Bình chữa cháy bột khô	Cái	1	hư hỏng	
68	TCT.CK.1204.89090075000.00001	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
69	TCT.CK.1204.89090075000.00002	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
70	TCT.CK.1204.89090075000.00003	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
71	TCT.CK.1204.89090075000.00004	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
72	TCT.CK.1204.89090075000.00005	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
73	TCT.CK.1204.89090075000.00006	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
74	TCT.CK.1204.89090075000.00007	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
75	TCT.CK.1204.89090075000.00008	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
76	TCT.CK.1204.89090075000.00009	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
77	TCT.CK.1204.89090075000.00010	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
78	TCT.CK.1204.89090075000.00011	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
79	TCT.CK.1204.89090075000.00012	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
80	TCT.CK.1204.89090075000.00013	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
81	TCT.CK.1204.89090075000.00014	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
82	TCT.CK.1204.89090075000.00015	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
83	TCT.CK.1204.89090075000.00016	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
84	TCT.CK.1204.89090075000.00017	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
85	TCT.CK.1204.89090075000.00018	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
86	TCT.CK.1204.89090075000.00019	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
87	TCT.CK.1204.89090075000.00020	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
88	TCT.CK.1204.89090075000.00021	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
89	TCT.CK.1204.89090075000.00022	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
90	TCT.CK.1204.89090075000.00023	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
91	TCT.CK.1204.89090075000.00024	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
92	TCT.CK.1204.89090075000.00025	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
93	TCT.CK.1204.89090075000.00026	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
94	TCT.CK.1204.89090075000.00027	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
95	TCT.CK.1204.89090075000.00028	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
96	TCT.CK.1204.89090075000.00029	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
97	TCT.CK.1204.89090075000.00030	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
98	TCT.CK.1204.89090075000.00031	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
99	TCT.CK.1204.89090075000.00032	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
100	TCT.CK.1204.89090075000.00033	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
101	TCT.CK.1204.89090075000.00034	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
102	TCT.CK.1204.89090075000.00035	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
103	TCT.CK.1204.89090075000.00036	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
104	TCT.CK.1409.89460013VIE.00001	Máy vi tính	Bộ	1	hư hỏng	
105	TCT.CK.1912.88805009VIE.00001	Dan am thanh	Cái	1	hư hỏng	
106	TCT.CK.2101.49460970000.00002	Tivi led 70 inch	Cái	1	hư hỏng	
107	TCT.CK.2101.49460970000.00003	Tivi led 70 inch	Cái	1	hư hỏng	
108	TCT.CK.2101.59002947CHN.00001	CPU máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
109	TCT.CK.1604.88802035VIE.00001	Máy vi tính (Core I5)	Bộ	1	hư hỏng	
110	TCT.CK.1012.89440021VIE.00009	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
111	TCT.CK.1703.88802040VIE.00002	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	hư hỏng	
112	TCT.CK.2003.49470010VIE.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
113	TCT.CK.2003.49470010VIE.00003	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
114	TCT.CK.1705.88802033VIE.00002	Bộ CPU máy vi tính (Core I5)	Cái	1	hư hỏng	
115	TCT.CK.1107.83282128VIE.00004	Quạt hơi nước	Cái	1	hư hỏng	
116	TCT.CK.1107.83282128VIE.00005	Quạt hơi nước	Cái	1	hư hỏng	

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
117	TCT.CK.2101.53003033000.00004	Quạt đảo	Cái	1	hư hỏng	
118	TCT.CK.2101.53003033000.00007	Quạt đảo	Cái	1	hư hỏng	
119	TCT.CK.1905.49460283VIE.00001	Tivi led 65 inch	Cái	1	hư hỏng	
120	TCT.CK.1312.89460904VIE.00005	Máy ghi âm KTS	Cái	1	hư hỏng	
121	TCT.CK.1709.59002968VIE.00001	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
122	TCT.CK.2012.49460125000.00052	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	hư hỏng	
122	TCT.CK.1903.49470010VIE.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
II	Danh mục sau thời điểm kiểm kê tới 23.5.2025					
1	TCT.CK.2005.49470010000.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
2	TCT.CK.1412.48870103VIE.00004	Ghế	Cái	1	hư hỏng	
3	TCT.CK.2012.59002804000.00020	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	hư hỏng	
4	TCT.CK.2102.49470010VIE.00002	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
5	TCT.CK.2106.88840019CHN.00006	Máy vi tính xách tay	Cái	1	hư hỏng	
6	TCT.CK.2207.88840017MAS.00001	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
7	TCT.CK.2211.49470098VIE.00003	Ghế xoay kiểu lưới	Cái	1	hư hỏng	
8	TCT.CK.1702.49470160VIE.00001	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	hư hỏng	
9	TCT.CK.2106.59002017000.00004	Ổ cứng di động 2TB	Cái	1	hư hỏng	
10	TCT.CK.2303.49470218VIE.00002	Ghế lãnh đạo	Cái	1	hư hỏng	
11	TCT.CK.1508.88800001VIE.00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	hư hỏng	
12	TCT.CK.1412.89460013VIE.00001	Máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
13	TCT.CK.1104.89460013VIE.00001	Máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
14	TCT.CK.1402.89460013VIE.00001	Máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
15	TCT.CK.1605.59002948VIE.00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
16	TCT.CK.2102.88802038CHN.00001	Bộ CPU máy tính (Core i7)	Cái	1	hư hỏng	
17	TCT.CK.1011.89480144VIE.00001	CPU máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
18	TCT.CK.1210.89460005VIE.00001	Máy hủy giấy	Cái	1	hư hỏng	
19	TCT.CK.1310.89460908VIE.00002	Máy lọc không khí	Cái	1	hư hỏng	
20	TCT.CK.2102.59002948000.00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
21	TCT.CK.2106.59002017000.00005	Ổ cứng di động 2TB	Cái	1	hư hỏng	
22	TCT.CK.2112.59002948000.00003	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
23	TCT.CK.1609.59002968VIE.00001	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
24	TCT.CK.1511.88802035VIE.00006	Máy vi tính (Core i5)	BỘ	1	hư hỏng	
25	TCT.CK.1902.88802037VIE.00001	CPU máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
26	TCT.CK.2103.59002948CHN.00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
27	TCT.CK.2112.59002948000.00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
28	TCT.CK.2004.59002948VIE.00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
29	TCT.CK.1901.49470010VIE.00002	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
30	TCT.CK.1405.89460913VIE.00002	Máy in Laser A4	Cái	1	hư hỏng	
31	TCT.CK.1511.59002937VIE.00013	Điện thoại Panasonic KX-TG6461	Cái	1	hư hỏng	
32	TCT.CK.1603.59002968VIE.00001	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
33	TCT.CK.1604.88802016VIE.00001	Máy tính bảng	Cái	1	hư hỏng	
34	TCT.CK.1604.88840017VIE.00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	hư hỏng	
35	TCT.CK.1901.88802035VIE.00004	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	hư hỏng	
36	TCT.CK.1912.59002948VIE.00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
37	TCT.CK.1204.89460913VIE.00001	Máy in Laser A4	Cái	1	hư hỏng	
38	TCT.CK.2203.88840019CHN.00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	hư hỏng	
39	TCT.CK.2205.88802256CHN.00011	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	hư hỏng	
40	TCT.CK.1603.88802040VIE.00003	Máy tính xách tay Dell XPS 9350 (Core I5)	Cái	1	hư hỏng	
41	TCT.CK.1112.89470001VIE.00002	Tủ lạnh	Cái	1	hư hỏng	
42	TCT.CK.1011.89460913VIE.00002	Máy vi tính	Bộ	1	hư hỏng	
43	TCT.CK.1306.89460913VIE.00001	MAY IN LASER màu A4 HP 3525 số máy A4LM 0003	Cái	1	hư hỏng	
44	TCT.CK.1012.89460913VIE.00002	Máy in Laser	Cái	1	hư hỏng	
45	TCT.CK.1012.89460013VIE.00003	Máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
46	TCT.CK.1511.59002937VIE.00005	Điện thoại Panasonic KX-TG6461	Cái	1	hư hỏng	
47	TCT.CK.2311.59002947VIE.00001	CPU máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
48	TCT.CK.1407.89460913000.00001	Máy in Laser	Cái	1	hư hỏng	
49	TCT.CK.1411.89460013000.00002	Máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
50	TCT.CK.1604.88860068VIE.00001	Máy Scanner HP Pro 3000S2	Cái	1	hư hỏng	
51	TCT.CK.1712.49470155VIE.00003	Tủ hồ sơ gỗ	Cái	1	hư hỏng	
52	TCT.CK.2012.88840017CHN.00036	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
53	TCT.CK.1011.89460013VIE.00007	Máy vi tính	Bộ	1	hư hỏng	
54	TCT.CK.1812.49470218VIE.00001	Ghế lãnh đạo	Cái	1	hư hỏng	
55	TCT.CK.2006.59002947000.00004	CPU máy tính	Cái	1	hư hỏng	
56	TCT.CK.1908.49470010VIE.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
57	TCT.CK.1305.89460013VIE.00003	Máy vi tính	Bộ	1	hư hỏng	
58	TCT.CK.2009.88840017CHN.00002	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
59	TCT.CK.2012.88840017CHN.00004	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
60	TCT.CK.1710.49470018000.00001	Tủ hồ sơ lớn	Cái	1	hư hỏng	
61	TCT.CK.1411.89460903VIE.00001	Máy in màu A4	Cái	1	hư hỏng	
62	TCT.CK.1903.49470010VIE.00001	Ghế xoay	Cái	1	hư hỏng	
63	TCT.CK.1802.56590069VIE.00001	Camera hồng ngoại	Cái	1	hư hỏng	
64	TCT.CK.2012.88840085000.00011	Máy vi tính xách tay macbook Air core i5	Cái	1	hư hỏng	
65	TCT.CK.2012.59002154CHN.00025	Ổ cứng HDD 1TB	Cái	1	hư hỏng	
66	TCT.CK.2012.59002392CHN.00016	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	hư hỏng	
67	TCT.CK.2012.88840017CHN.00034	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	
68	TCT.CK.1503.59000021VIE.00001	Máy in Laser	Cái	1	hư hỏng	
69	TCT.CK.1508.49470178VIE.00001	Bàn làm việc	Cái	1	hư hỏng	
70	TCT.CK.1712.59002948VIE.00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
71	TCT.CK.1905.88840017VIE.00001	CPU máy tính	Cái	1	hư hỏng	
72	TCT.CK.2202.88840017MAS.00001	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	hư hỏng	

Handwritten signature

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
73	TCT.CK.2205.88802256CHN.00012	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	hư hỏng	
74	TCT.CK.1710.59002968VIE.00001	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
75	TCT.CK.2006.49470218VIE.00001	Ghế lãnh đạo	cái	1	hư hỏng	
76	TCT.CK.2012.49460007000.00010	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	hư hỏng	
77	TCT.CK.2012.89010095CHN.00009	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	hư hỏng	
78	TCT.CK.1106.89480144VIE.00004	CPU máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
79	TCT.CK.1703.88802033VIE.00003	Bộ CPU máy vi tính (Core I5)	Cái	1	hư hỏng	
80	TCT.CK.1507.88860080VIE.00002	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	hư hỏng	
81	TCT.CK.1801.56590069VIE.00001	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
82	TCT.CK.1801.56590069VIE.00002	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
83	TCT.CK.1801.56590069VIE.00003	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
84	TCT.CK.1801.56590069VIE.00004	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
85	TCT.CK.1801.56590069VIE.00005	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
86	TCT.CK.1801.56590069VIE.00006	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
87	TCT.CK.1801.56590069VIE.00007	Camera hong ngoại	Cái	1	hư hỏng	
88	TCT.CK.1905.56590012VIE.00002	He thong Camera	Cái	1	hư hỏng	
89	TCT.CK.2308.59002968000.00004	Điện thoại di động	Cái	1	hư hỏng	
90	TCT.CK.2008.88802512CHN.00002	Máy tính bảng 512GB	Cái	1	hư hỏng	
91	TCT.CK.2208.59002948000.00005	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
92	TCT.CK.1710.88800027VIE.00001	Máy scan	Cái	1	hư hỏng	
93	TCT.CK.2202.59002948000.00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	hư hỏng	
94	TCT.CK.2006.49460080VIE.00001	Máy in laser A4	Cái	1	hư hỏng	
95	TCT.CK.1905.56590012VIE.00001	He thong Camera	Cái	1	hư hỏng	
96	TCT.CK.1204.89090075000.00037	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
97	TCT.CK.1204.89090075000.00038	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
98	TCT.CK.1204.89090075000.00039	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
99	TCT.CK.1204.89090075000.00040	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
100	TCT.CK.1204.89090075000.00041	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
101	TCT.CK.1204.89090075000.00042	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
102	TCT.CK.1204.89090075000.00043	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
103	TCT.CK.1204.89090075000.00044	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
104	TCT.CK.1204.89090075000.00045	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
105	TCT.CK.1204.89090075000.00046	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
106	TCT.CK.1204.89090075000.00047	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
107	TCT.CK.1204.89090075000.00048	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
108	TCT.CK.1204.89090075000.00049	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
109	TCT.CK.1204.89090075000.00050	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
110	TCT.CK.1204.89090075000.00051	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
111	TCT.CK.1204.89090075000.00052	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
112	TCT.CK.1204.89090075000.00053	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	

STT	Mã CCDC	Tên nhãn hiệu, quy cách CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
113	TCT.CK.1204.89090075000.00054	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
114	TCT.CK.1204.89090075000.00055	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
115	TCT.CK.1204.89090075000.00056	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
116	TCT.CK.1204.89090075000.00057	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
117	TCT.CK.1204.89090075000.00058	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
118	TCT.CK.1204.89090075000.00059	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
119	TCT.CK.1204.89090075000.00060	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
120	TCT.CK.1204.89090075000.00061	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
121	TCT.CK.1204.89090075000.00062	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
122	TCT.CK.1204.89090075000.00063	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
123	TCT.CK.1204.89090075000.00064	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
124	TCT.CK.1204.89090075000.00065	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
125	TCT.CK.1204.89090075000.00066	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
126	TCT.CK.1204.89090075000.00067	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
127	TCT.CK.1204.89090075000.00068	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
128	TCT.CK.1204.89090075000.00069	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
129	TCT.CK.1204.89090075000.00070	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
130	TCT.CK.1204.89090075000.00071	Bình chữa cháy	Cái	1	hư hỏng	
III	Danh mục không có trong sổ sách					
1	-	Tủ lạnh	Cái	1	hư hỏng	
2	-	Bàn lãnh đạo	Cái	1	hư hỏng	
3	-	Bộ sofa	Cái	1	hư hỏng	
4	-	Kết sắt	Cái	1	hư hỏng	
5	-	Bộ sofa	Cái	1	hư hỏng	
6	-	Tủ gỗ	Cái	3	hư hỏng	
7	-	Hộc tủ	Cái	1	hư hỏng	
8	-	Tủ quần áo	Cái	2	hư hỏng	
9	-	Tủ lạnh	Cái	4	hư hỏng	
10	-	Tủ đông	Cái	1	hư hỏng	
11	-	Máy lạnh	Cái	1	hư hỏng	
12	-	Bóng đèn	Cái	500	hư hỏng	

Phụ lục 7:
DANH MỤC TSCĐ ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ NĂM 2024

STT	Mã TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Số lượng	Ghi Chú
1	SPCNG- 0000126	SPC.NG- 907555	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0115 - số máy SC02HG0TFDJWR	1	
2	SPCNG- 0000127	SPC.NG- 907556	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0114 - số máy: SC02HG1GDDJwR	1	
3	SPCNG- 0000156	SPC.NG- 907585	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0138 - số máy: SC02HG0TQDJWR	1	
4	SPCNG- 0000060	SPC.NG- 907396	MÁY PHOTOCOPY CANON IR 3245, so máy DHN01155 mau trang-DHN 01155	1	
5	SPCNG- 0000149	SPC.NG- 907578	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0130 - số máy: SC02HG0T1DJWR-SC02HG0T1DJWR	1	
6	SPCNG- 0000058	SPC.NG- 907383	MÁY PHOTOCOPY CANON IR 3245 SO MÁY DHN 00126 MAU XAM-DHN 00126	1	
7	SPCNG- 0000201	SPC.NG- 907647	Máy vi tính MacBook Air hiệu Apple Số seri CO2LL3MOF6T6-cO2LL3MOF6T6	1	
8	SPCNG- 0000180	SPC.NG- 907612	Máy Máy Photocopy Canon IR2545 - số máy FUW 80454 - mã số COPY 0032-FUW 80454	1	
9	SPCNG- 0000160	SPC.NG- 907589 lu	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0123 - số máy: SC02HG1AGDJwR-SC02HG1AGDJWR	1	
10	SPCNG- 0000206	SPC.NG- ^907654	Máy tính xách tay MacBook Air (Apple) số seri C02MG2ZYF6T6 màu Bạc-C02MG2ZYF6T6	1	
11	SPCNG- 0000170	SPC.NG- 907600	Máy vi tính XT MacBook Air C02hX8DCDRVG màu Bạc-C02HX8DCDRVG	1	
12	SPCNG- 0000182	SPC.NG- 907614	Máy Photocopy Canon IR2545 -số máy FUW 80339 - mã số 0034-FUW 80339	1	
13	SPCNG- 0000146	SPC.NG- 907575	Máy vi tính MacBook Air hiệu Apple Số seri CO2LL3MOF6T6-CO2LL3MOF6T6	1	
14	SPCNG- 0000056	SPC.NG- 907381	MÁY PHOTOCOPY CANON IR 3245 SO MÁY DHN 00189 MAU XAM-DHN 00189	1	
15	SPCNG- 0000194	SPC.NG- 907640	Máy in màu A3 hiệu Canon LBP9100CDN số seri MTTA002932 màu Bạc-MTTA002932	1	
16	SPCNG- 0000163	SPC.NG- 907592	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0118 - số máy: SC02HG1N2DJWR	1	
17	SPCNG- 0000161	SPC.NG- 907590	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0116 - số máy: SC02HG0SYDJWR-SC02HG0SYDJWR	1	
18	SPCNG- 0000047	SPC.NG- 907363	MÁY PHOTOCOPY CANON IR3045 SO MÁY 21MBV01867-21MBV01867	1	
19	SPCNG- 0000132	SPC.NG- 907561	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0154 - số máy: SC02HG0TPDJWR	1	
20	SPCNG- 0000092	SPC.NG- 907452	Tổng đ.thoại nội bộ Panasonic	1	
21	SPCNG- 0000045	SPC.NG- 907361	Máy photocopy Canon IR3045 số máy 21MBv01870-21MBV01870	1	
22	SPCNG- 0000189	SPC.NG- 907628	Hệ thống camera giám sát tòa nhà EVN SPC	1	
23	SPCNG- 0000244	SPC.NG- 907695	HT kiểm soát vào ra Tòa nhà Văn phòng 72 Hai Bà Trưng	1	
24	SPCNG- 0000202	SPC.NG- 907648	Máy vi tính MacBook Air hiệu Apple Số seri CO2LL3LZF6T6	1	
25	SPCNG- 0000144	SPC.NG- 907573	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0141 - số máy: SC02HG1N3DJWR	1	
26	SPCNG- 0000198	SPC.NG- 907644	Máy Photocopy hiệu Canon IR2545 số seri FUW80717-FWC04938	1	
27	SPCNG - 0000125	SPC.NG- 907554	Máy vi tính XT MacBook Air -mã số: 0113 - số máy: SC02HG0TEDJWR	1	

Phụ lục 7:
DANH MỤC VTTB THU HỒI THANH XỬ LÝ NĂM 2024

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	TCT.CK.1612.49470160000. 00003	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
2	TCT.CK.1612.49470349000. 00002	Ghế chân xoay bọc simili, có tay vịn	Cái	1	
3	TCT.CK.1612.49470160000. 00002	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
4	TCT.CK.2011.49470010VIE. 00003	Ghế xoay	Cái	1	
5	TCT.CK.1612.49470160000. 00004	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
6	TCT.CK.1612.49470160000. 00001	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
7	TCT.CK.1707.49470381VIE. 00007	Ghế chân quỳ, đệm bọc da	Cái	1	
8	TCT.CK.1710.49470160VIE. 00001	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
9	TCT.CK.1707.49470381VIE. 00001	Ghế nhân viên	Cái	1	
10	TCT.CK.1707.49470381VIE. 00002	Ghế nhân viên	Cái	1	
11	TCT.CK.2103.49470010VIE. 00001	Ghế xoay	Cái	1	
12	TCT.CK.1412.48870103VIE. 00005	Ghế	Cái	1	
13	TCT.CK.2011.49460415VIE. 00003	Cặp da	Cái	1	
14	TCT.CK.1412.48870103000. 00001	Ghế	Cái	1	
15	TCT.CK.1412.48870103000. 00002	Ghế	Cái	1	
16	TCT.CK.1412.88870131000. 00001	BAN LAM VIEC	Cái	1	
17	TCT.CK.1412.48870103VIE. 00001	Ghế	Cái	1	
18	TCT.CK.1307.49460081VIE. 00001	Bảng hiệu	Cái	1	
19	TCT.CK.1307.49460081VIE. 00002	Bảng hiệu	Cái	1	
20	TCT.CK.1307.49460081VIE. 00003	Bảng hiệu	Cát	1	
21	TCT.CK.1307.49460081VIE. 00004	Bảng hiệu	Cái	1	
22	TCT.CK.1412.48870103VIE. 00002	Ghế	Cái	1	
23	TCT.CK.1508.49470010VIE. 00001	Ghế xoay	Cái	1	
24	TCT.CK.2012.49460415VIE. 00009	Cặp da	Cái	1	
25	TCT.CK.1612.49470349000. 00001	Ghế chân xoay bọc simili, có tay	Cái	1	
26	TCT.CK.1412.48870103VIE. 00037	Ghế	Cái	1	
27	TCT.CK.2006.49470010VIE. 00001	Ghế xoay	Cái	1	
28	TCT.CK.2012.49470010VIE. 00002	Ghế xoay	Cái	1	
29	TCT.CK.1812.49470121VIE. 00004	Ghế xoay lưới	Cái	1	
30	TCT.CK.1903.49470010VIE. 00002	Ghế xoay	Cái	1	
31	TCT.CK.1710.49470160000. 00001	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
32	TCT.CK.1508.49470218VIE. 00001	Ghế lãnh đạo	Cái	1	
33	TCT.CK.1503.83242003VIE. 00001	Xe đẩy	Cái	1	
34	TCT.CK.2005.83242003VIE. 00001	Xe đẩy	Cái	1	
35	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00001	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
36	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00002	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
37	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00003	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
38	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00004	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
39	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00005	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
40	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00006	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
41	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00007	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
42	TCT.CK.1707.49470160VIE. 00008	Ghế xoay lưng cao, đệm simili	Cái	1	
43	TCT.CK.2007.89090029000. 00002	Bảng nội quy PCCC	Cái	1	
44	TCT.CK.1212.83490181VIE. 00001	Thang	Cái	1	
45	TCT.CK.2006.83484044VIE. 00001	Thang nhôm chu A	Cái	1	
46	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00002	Ghế băng chờ	Cái	1	
47	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00003	Ghế băng chờ	Cái	1	
48	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00004	Ghế băng chờ	Cái	1	
49	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00005	Ghế băng chờ	Cái	1	
50	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00006	Ghế băng chờ	Cái	1	
51	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00007	Ghế băng chờ	Cái	1	
52	TCT.CK.1412.48810108VIE. 00008	Ghế băng chờ	Cái	1	
53	TCT.CK.2011.49480031POL .00003	Vali kéo	Cái	1	
54	TCT.CK.2012.49460415VIE. 00006	Cặp da	Cái	1	
55	TCT.CK.2011.49480031POL .00007	Vali kéo	Cái	1	
56	TCT.CK.2012.49460415VIE. 00008	Cặp da	Cái	1	
57	TCT.CK.2011.49480031POL .00005	Vali kéo	Cái	1	
58	TCT.CK.2012.49460415VIE. 00005	Cặp da	Cái	1	
59	TCT.CK.2010.49480031POL .00001	Vali kéo	Cái	1	
60	TCT.CK.2011.49460415VIE. 00001	Cặp da	Cái	1	

DANH MỤC VTTB THU HỒI THANH XỬ LÝ NĂM 2024

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00021	Máy tính bảng	Cái	1	
2	TCT.CK.1511.59002938VIE. 00006	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
3	TCT.CK.1707.88802033VIE. 00001	Bo CPU (Core I5)	Cái	1	
4	TCT.CK.1406.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
5	TCT.CK.2012.59002947MA S.00003	CPU máy vi tính	Cái	1	
6	TCT.CK.1306.89460908VIE. 00003	Máy lọc không khí	Cái	1	
7	TCT.CK.1306.89460908VIE. 00004	Máy lọc không khí	Cái	1	
8	TCT.CK.1509.88802035VIE. 00002	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
9	TCT.CK.1509.88802035VIE. 00004	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
10	TCT.CK.1212.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
11	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00020	Máy tính bảng	Cái	1	
12	TCT.CK.1511.59002937VIE. 00007	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
13	TCT.CK.1509.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
14	TCT.CK.1509.88802035VIE. 00003	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
15	TCT.CK.1105.89460014VIE. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
16	TCT.CK.1206.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
17	TCT.CK.1211.89460013000. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
18	TCT.CK.1106.83094670000. 00001	Máy Scanner	Cái	1	
19	TCT.CK.1211.89460013000.	Máy vi tính	Cái	1	
20	TCT.CK.1306.90762200000. 00001	Máy in A3 trắng đen Canon	Cái	1	
21	TCT.CK.1511.59002937000. 00001	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
22	TCT.CK.1604.88800023000. 00001	Máy Fax Canon L170	Cái	1	
23	TCT.CK.1306.59440035000. 00001	ô đĩa cứng di động	Cái	1	
24	TCT.CK.1608.88802035000. 00002	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
25	TCT.CK.1204.89460913000. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
26	TCT.CK.1703.59002017000. 00001	ô cứng di động 2TB	Cái	1	
27	TCT.CK.1211.89460013000. 00005	Máy vi tính	Cái	1	
28	TCT.CK.1401.89460015000. 00003	Máy tính bảng	Cái	1	
29	TCT.CK.1012.89460014000. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
30	TCT.CK.1608.88802035000. 00004	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
31	s/TCT.CK.1506.59500001000. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
32	TCT.CK.1608.88802035000. 00003	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
33	TCT.CK.1305.89460013000. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
34	TCT.CK.1412.89460913000. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
35	TCT.CK.1208.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
36	TCT.CK.1012.89460013VIE. 00005	Máy vi tính	Bộ	1	
37	TCT.CK.1012.89460913VIE. 00003	Máy in Laser	Cái	1	
38	TCT.CK.1103.49460069VIE. 00001	Máy hủy giấy	Cái	1	
39	TCT.CK.1208.39487211VIE. 00001	Máy chụp hình	Cái	1	
40	TCT.CK.1208.39487211VIE.0001	Máy chụp hình	Cái	1	
41	TCT.CK.1208.49460069VIE. 00001	Máy hủy giấy	Cái	1	
42	TCT.CK.1208.88800022VIE. 00001	Máy Fax	Cái	1	
43	TCT.CK.1208.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
44	TCT.CK.1208.89460902VIE. 00001	Máy quay phim	Cái	1	
45	TCT.CK.1210.89460013VIE. 00002	CPU máy vi tính	Cái	1	
46	TCT.CK.1212.83094670VIE. 00001	Máy Scanner	Cái	1	
47	TCT.CK.1306.89460908VIE. 00010	Máy lọc không khí	Cái	1	
48	TCT.CK.1306.89460908VIE. 00011	Máy lọc không khí	Cái	1	
49	TCT.CK.1401.49470074VIE. 00001	Bình thủy điện	Cái	1	
50	TCT.CK.1405.89460908VIE. 00002	Máy lọc không khí	Cái	1	
51	TCT.CK.1405.89460908VIE. 00003	Máy lọc không khí	Cái	1	
52	TCT.CK.1406.89460903VIE. 00001	Máy in màu A4	Cái	1	
53	TCT.CK.1412.89460908VIE. 00001	Máy lọc không khí Q-	Cái	1	
54	TCT.CK.1805.39487211VIE. 00001	Máy chụp hình Canon	Cái	1	
55	TCT.CK.1206.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	Cái	1	
56	TCT.CK.1510.89460913VIE. 00001	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	
57	TCT.CK.1011.89460913VIE. 00001	Máy vi tính	Bộ	1	
58	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00009	Máy in Laser	Cái	1	
59	TCT.CK.1412.87152002VIE. 00001	Ampere kim đo dòng so lệch	Cái	1	
60	TCT.CK.1204.89460013VIE. 00006	Máy vi tính	Cái	1	
61	TCT.CK.1509.89460013VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
62_s	TCT.CK.1605.89460013VIE.0001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
63	TCT.CK.1104.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
64	TCT.CK.1210.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
65	TCT.CK.1510.89460913VIE. 00002	Máy in laser A4	Cái	1	
66	TCT.CK.1603.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
67	TCT.CK.1712.88840017VIE. 00002	9350 (Core I5)	Cái	1	
68	TCT.CK.2104.59002154CHN.00001	Ổ cứng HDD 1TB	Cái	1	

kh

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
69	TCT.CK.1510.88802016VIE. 00001	Máy tính bảng IPAD AIR 2 64GB	Cái	1	
70	TCT.CK.1512.59002968VIE. 00002	Điện thoại di động Samsung A7	Cái	1	
71	TCT.CK.1603.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
72	TCT.CK.1011.89460913VIE. 00004	Máy vi tính	Bộ	1	
73	TCT.CK.1305.87106501VIE. 00001	thông số điện xoay chiều (AC	Cái	1	
74	TCT.CK.1305.87106501VIE. 00002	Máy đo và kiểm tra đa năng các	Cái	1	
75	TCT.CK.1305.87106501VIE. 00003	Máy đo và kiểm tra đa năng các	Cái	1	
76	TCT.CK.1306.30660398VIE. 00001	T/BI XAC DINH GoC PHA	Cái	1	
77	TCT.CK.1306.36055010VIE. 00001	DIEN KE MAU IP XT SM 20022797	Cái	1	
78	TCT.CK2 807.59002968VIE. 00001	Điện thoại di động	Cái	1	
79	TCT.CK.1011.89460913VIE. 00005	Máy vi tính	Bộ	1	
80	TCT.CK.1012.89460904VIE.00001	Máy ghi âm KTS	Cái	1	
81	TCT.CK.1208.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	Cái	1	
82	TCT.CK.1208.89460913VIE. 00002	Máy in laser	Bộ	1	
83	TCT.CK.1309.88802016VIE. 00001	Máy tính bảng	Cái	1	
84	TCT.CK.1401.88802016VIE. 00008	Máy tính bảng	Cái	1	
85	TCT.CK.1511.89460913VIE. 00004	Máy in canon LBP 3300	Bộ	1	
86	TCT.CK.1509.88800001VIE. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
87	TCT.CK.1801.59002968000. 00001	Điện thoại di động	Cái	1	
88	TCT.CK.2012.59000406CH N.00014	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	
89	TCT.CK.2012.59002804CH N.00011	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
90	TCT.CK.1412.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Bộ	1	
91	TCT.CK.1412.89460906VIE. 00001	Máy Fax	Cái	1	
92	TCT.CK.1604.88800005VIE. 00004	Máy lọc không khí	Cái	1	
93	TCT.CK.1605.88802040VIE. 00001	9350 (Core I5)	Cái	1	
94	TCT.CK.1511.88802035VIE. 00005	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
95	TCT.CK.1101.89460014VIE. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
96	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00010	Máy tính bảng	Cái	1	
97	TCT.CK.1511.88802035VIE. 00004	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
98	TCT.CK.1604.88800005VIE. 00003	Máy lọc không khí	Cái	1	
99	TCT.CK.1801.49460080VIE. 00001	Máy in laser A4	Cái	1	
100	TCT.CK.1412.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	Bộ	1	
101	TCT.CK.1509.88800001VIE. 00003	Máy tính xách tay	Cái	1	
102	TCT.CK.1407.89460013VIE.	Máy vi tính	Cái	1	
103	TCT.CK.1204.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
104	TCT.CK.1212.89460913VIE. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
105	TCT.CK.1306.90750600VIE. 00001	Máy tính bảng IPAD2 -WIFI 3G	Cái	1	
106	TCT.CK.1406.89460015VIE. 00002	Máy tính bảng	Cái	1	
107	TCT.CK.1707.59002968VIE. 00002	Điện thoại di động	Cái	1	
108	TCT.CK.1712.88802040VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
109	TCT.CK.2012.49460007000. 00031	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
110	TCT.CK.2012.49460007CH N.00005	Chuột vi tính (Không ^{dây})	Bộ	1	
111	TCT.CK.2012.49460067CH N.00004	Bàn phím laptop	Cái	1	
112	TCT.CK.2012.59000406000. 00024	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	
113	TCT.CK.2012.59002804000. 00043	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	

Handwritten signature

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
114	TCT.CK.2012.88802037VIE. 00008	Máy vi tính (Core I7)	Bộ	1	
115	TCT.CK.2012.88802040000. 00004	Máy vi tính xách tay (Core I5)	Cái	1	
116	TCT.CK.2012.88802128000. 00037	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	
117	TCT.CK.2012.89010095CH N.00037	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	
118	TCT.CK.1412.89460013VIE. 00005	Máy vi tính	Bộ	1	
119	TCT.CK.1604.88800005VIE. 00001	Máy lọc không khí	Cái	1	
120	TCT.CK.1712.88802040VIE. 00002	Máy tính xách tay Dell XPS 9350 (Core I5)	Cái	1	
121	TCT.CK.1511.59002937VIE. 00008	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
122	TCT.CK.2012.49460007000. 00015	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
123	TCT.CK.2012.49460125000. 00018	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	
124	TCT.CK.2012.54495033VIE. 00001	Cáp HDMI	Sợi	1	
125	TCT.CK.2012.59002154CH N.00008	Ổ cứng HDD 1TB	Cá'	1	
126	TCT.CK.1503.87570063VIE. 00001	Máy định vị GPRS	Cái	1	
127	TCT.CK.2012.89010095CH N.00018	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	
128	TCT.CK.1801.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
129	TCT.CK.1801.88802040VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell XPS 9350 (Core I5)	Cái	1	
130	TCT.CK.1012.89440021000. 00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
131	TCT.CK.1705.88802033000. 00001	Bộ CPU máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
132	TCT.CK.1408.89460013000. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
133	TCT.CK.1903.59002948000. 00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
134	TCT.CK.1211.89460013000. 00004	Máy vi tính	Cái	1	
135	TCT.CK.1511.59002937000. 00003	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
136	TCT.CK.1512.59002112000. 00001	Điện thoại di động Samsung A7	Cái	1	
137	TCT.CK.1603.88802040000. 00002	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
138	TCT.CK.1804.59002968000. 00002	Điện thoại di động	Cái	1	
139	TCT.CK.1805.49470032000. 00001	Quạt dung	Cái	1	
140	TCT.CK.1805.49470032000. 00002	Quạt dung	Cái	1	
141	TCT.CK.1903.59002948000. 00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
142	TCT.CK.1903.88802037000. 00005	CPU máy vi tính	Cái	1	
143	TCT.CK.1206.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
144	TCT.CK.1210.89460013VIE. 00003	CPU máy vi tính	Cái	1	
145	TCT.CK.1211.89460013000. 00006	Máy vi tính	Cái	1	
146	TCT.CK.1401.88802016VIE. 00001	Máy tính bảng	Cái	1	
147	TCT.CK.1804.59002968000. 00001	Điện thoại di động	Cái	1	
148	TCT.CK.2012.49460007000. 00026	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
149	TCT.CK.1405.89460013000. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
150	TCT.CK.1203.89460013000. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
151	TCT.CK.1210.89460013000. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
152	TCT.CK.1405.89460013000. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
153	TCT.CK.1309.89460014000. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
154	TCT.CK.1506.49460104000. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
155	TCT.CK.1203.89460013000. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
156	TCT.CK.1510.88800001VIE. 00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
157	TCT.CK.1412.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
158	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00009	Máy tính bảng	Cái	1	
159	TCT.CK.1909.59002947VIE. 00002	CPU máy tính	Cái	1	
160	TCT.CK.1411.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
161	TCT.CK.1610.88860068VIE. 00002	Máy Scanner HP Pro 3000S2	Cái	1	
162	TCT.CK.2102.59002948000. 00003	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
163	TCT.CK.2102.88802038CH N.00003	Bộ CPU máy tính (Core i7)	Cái	1	
164	TCT.CK.1708.49460080VIE. 00001	Máy in laser A4	Cái	1	
165	TCT.CK.1611.88802011VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell VoStro	Cái	1	
166	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
167	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00007	Máy tính bảng	Cái	1	
168	TCT.CK.1611.88802011VIE. 00002	Máy tính xách tay Dell Vostro S459C	Cái	1	
169	TCT.CK.1812.59002968VIE. 00001	Điện thoại di động	Cái	1	
170	TCT.CK.1904.88802037VIE. 00001	CPU Máy vi tính	Cái	1	
171	TCT.CK.1203.89460005VIE. 00001	Máy hủy giấy	Cái	1	
172	TCT.CK.1204.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
173	TCT.CK.1411.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
174	TCT.CK.1012.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
175	TCT.CK.1511.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
176	TCT.CK.1012.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
177	TCT.CK.1206.83094670VIE. 00001	Máy Scanner	Cái	1	
178	TCT.CK.1212.89460913VIE. 00004	Máy in Laser	Cái	1	
179	TCT.CK.1503.59000943VIE. 00002	Máy vi tính	Bộ	1	
180	TCT.CK.1508.88800022VIE. 00001	Máy Fax Panasonic	Cái	1	
181	TCT.CK.1011.89460013VIE. 00008	Máy vi tính	Bộ	1	
182	TCT.CK.1011.89460013VIE. 00005	Máy vi tính	Bộ	1	
183	TCT.CK.1305.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
184	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00015	Máy tính bảng	Cái	1	
185	TCT.CK.2006.59002947VIE. 00004	CPU máy tính	Cái	1	
186	TCT.CK.2006.59002948VIE. 00005	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
187	TCT.CK.2012.49460067CH N.00003	Bàn phím laptop	Cái	1	
188	TCT.CK.2012.49460125000. 00034	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	
189	TCT.CK.2012.59000406000. 00018	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	
190	TCT.CK.2012.59002154CH N.00017	Ổ cứng HDD 1TB	Cái	1	
191	TCT.CK.2012.59002804000. 00036	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
192	TCT.CK.2108.59002392CH N.00002	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	
193	TCT.CK.2012.89010095CH N.00031	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	
194	TCT.CK.1204.89440021VIE. 00003	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
195	TCT.CK.1212.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
196	TCT.CK.1405.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
197	TCT.CK.1306.88840017VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
198	TCT.CK.1112.89460913VIE. 00001	Máy in Laser A4	Cái	1	
199	TCT.CK.1509.88802035000. 00005	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
200	TCT.CK.1903.59002017000. 00001	Ổ cứng di động 2TB	Cái	1	
201	TCT.CK.1509.88802035000. 00003	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
202	TCT.CK.1011.89460013000. 00002	Máy vi tính Cu	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
203	TCT.CK.1912.88840017000.00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
204	TCT.CK.2012.49460125000.00006	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	
205	TCT.CK.2012.88802128000.00017	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	
206	TCT.CK.2012.89010095CH N.00005	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	
207	TCT.CK.1412.89460014000.00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
208	TCT.CK.1310.89460013000.00001	Máy vi tính	Cái	1	
209	TCT.CK.1406.89460015000.00001	Máy tính bảng	Cái	1	
210	TCT.CK.1412.89460014000.00002	Máy tính xách tay	Cái	1	
211	TCT.CK.1709.59002968000.00001	Điện thoại di động	Cái	1	
212	TCT.CK.1806.88802040000.00001	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
213	TCT.CK.1011.89460013000.00001	Máy vi tính	Cái	1	
214	TCT.CK.1011.89460013000.00003	Máy vi tính	Cái	1	
215	TCT.CK.1306.89460908000.00001	Máy lọc kh khí	Cái	1	
216	TCT.CK.1306.89460908000.00002	Máy lọc kh khí	Cái	1	
217	TCT.CK.1310.89460913000.00001	Máy in Laser	Cái	1	
218	TCT.CK.1409.89460913000.00001	Máy in Laser	Cái	1	
219	TCT.CK.1509.88802035000.00004	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
220	TCT.CK.1509.88802035000.00006	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
221	TCT.CK.1511.88802035000.00002	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
222	TCT.CK.1011.89460013000.00004	Máy vi tính	Cái	1	
223	TCT.CK.1605.88860080000.00001	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	
224	TCT.CK.1511.88802035000.00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
225	TCT.CK.1509.88802035000.00002	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
226	TCT.CK.1511.88802035000.00003	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
227	TCT.CK.1011.89460014VIE.00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
228	TCT.CK.1012.89440021VIE.00010	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
229	TCT.CK.1608.88802040VIE.00001	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
230	TCT.CK.1103.89460005VIE.00002	Máy hủy giấy	Cái	1	
231	TCT.CK.1106.89480144VIE.00005	CPU máy vi tính	Cái	1	
232	TCT.CK.1106.89480144VIE.00006	CPU máy vi tính	Cái	1	
233	TCT.CK.1306.89460908VIE.00012	Máy lọc không khí	Cái	1	
234	TCT.CK.1607.88800023VIE.00001	Máy Fax Canon L170	Cái	1	
235	TCT.CK.1607.88802035VIE.00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
236	TCT.CK.1607.88860068VIE.00001	Máy Scanner HP Pro 3000S2	Cái	1	
237	TCT.CK.1703.49460080VIE.00001	Máy in laser A4	Cái	1	
238	TCT.CK.1607.88802040VIE.00001	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
239	TCT.CK.1305.89460913VIE.00006	Máy in Laser	Cái	1	
240	TCT.CK.1703.88802033VIE.00004	Bộ CPU máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
241	TCT.CK.2007.49460080CH N.00002	Máy in laser A4	Cái	1	
242	TCT.CK.1908.59002948VIE.00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
243	TCT.CK.1911.59002947VIE.00001	CPU máy tính	Cái	1	
244	TCT.CK.1911.59002948VIE.00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
245	TCT.CK.1212.89460913VIE.00007	Máy in Laser	Cái	1	
246	TCT.CK.1310.89460013VIE.00003	Máy vi tính	BỘ	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
247	TCT.CK.1305.89460913VIE. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
248	TCT.CK.1807.88802035VIE. 00002	Máy vi tính (Core I5)	BỘ	1	
249	TCT.CK.1902.88800025VIE. 00002	Máy Scan	Cái	1	
250	TCT.CK.1012.89440021VIE. 00004	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
251	TCT.CK.1307.89460913VIE. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
252	TCT.CK.1703.88802033VIE. 00002	Bộ CPU máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
253	TCT.CK.1611.88802011VIE. 00003	Máy tính xách tay Dell Vostro	Cái	1	
254	TCT.CK.1306.59440035VIE. 00010	Ổ đĩa cứng di động	Cái	1	
255	TCT.CK.1309.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	BỘ	1	
256	TCT.CK.1512.88802005VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell E7240-	Cái	1	
257	TCT.CK.1908.88840017VIE. 00004	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
258	TCT.CK.2004.59002948VIE. 00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
259	TCT.CK.1911.59002947VIE. 00003	CPU máy tính	Cái	1	
260	TCT.CK.1911.59002948VIE. 00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
261	TCT.CK.2012.59002804000. 00004	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
262	TCT.CK.2204.59002804000. 00001	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
263	TCT.CK.1012.59440035VIE. 00003	Ổ đĩa cứng di động	Cái	1	
264	TCT.CK.1201.89460013VIE. 00006	Máy vi tính	BỘ	1	
265	TCT.CK.1609.88802040VIE. 00002	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
266	TCT.CK.2008.59002947MA S.00005	CPU máy vi tính	Cái	1	
267	TCT.CK.2008.59002948000. 00005	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
268	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00004	Máy in Laser	Cái	1	
269	TCT.CK.1211.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	BỘ	1	
270	TCT.CK.1309.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	BỘ	1	
271	TCT.CK.1912.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
272	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00006	Máy in Laser	Cái	1	
273	TCT.CK.1402.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	BỘ	1	
274	TCT.CK.1011.89460014VIE. 00003	Máy tính xách tay	CÁI	1	
275	TCT.CK.1610.88802064VIE. 00001	64GB	Cái	1	
276	TCT.CK.1310.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	BỘ	1	
277	TCT.CK.1412.89460014VIE. 00003	Máy tính xách tay	Cái	1	
278	TCT.CK.1508.88860080VIE. 00003	Máy in canon LBP 3300	CÁI	1	
279	TCT.CK.1911.59002948VIE. 00003	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
280	TCT.CK.1311.89460014VIE. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
281	TCT.CK.1708.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
282	TCT.CK.2011.59002947MA S.00004	CPU máy vi tính	Cái	1	
283	TCT.CK.2011.59002948000. 00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
284	TCT.CK.1211.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
285	TCT.CK.1310.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	BỘ	1	
286	TCT.CK.1608.88802040VIE. 00002	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
287	TCT.CK.1012.89440021VIE. 00007	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
288	TCT.CK.1103.89460005VIE. 00001	Máy hủy giấy	Cái	1	
289	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00007	Máy in Laser	Cái	1	
290	TCT.CK.1107.83282128VIE. 00002	Quạt hơi nước	Cái	1	
291	TCT.CK.1306.59440035VIE. 00011	Ổ đĩa cứng di động	Cái	1	
292	TCT.CK.1306.907244TSVIE .00001	ACER AS5672WLMi SM-	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
293	TCT.CK.1308.89460908VIE. 00002	Máy lọc kh khí	Cái	1	
294	TCT.CK.1308.89460908VIE. 00003	Máy lọc kh khí	Cái	1	
295	TCT.CK.1309.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	BỘ	1	
296	TCT.CK.1402.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	BỘ	1	
297	TCT.CK.1506.59500001VIE. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
298	TCT.CK.1511.59002937VIE. 00010	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
299	TCT.CK.1511.88860080VIE. 00002	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	
300	TCT.CK.1609.88802040VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
301	TCT.CK.1908.88840017VIE. 00003	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
302	TCT.CK.2009.88840017CH N.00003	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	
303	TCT.CK.2011.88840017CH N.00002	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	
304	TCT.CK.2105.88800027VIE. 00001	Máy scan	Cái	1	
305	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00005	Máy in Laser	Cái	1	
306	TCT.CK.1201.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	BỘ	1	
307	TCT.CK.1305.89460913VIE. 00003	Máy in Laser	Cái	1	
308	TCT.CK.1401.89460015VIE. 00022	Máy tính bảng	Cái	1	
309	TCT.CK.1201.87086254VIE. 00001	MAY DEM TIEN	Cái	1	
310	TCT.CK.1712.49460013VIE. 00001	Máy in kim A4	Cái	1	
311	TCT.CK.1603.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	BỘ	1	
312	TCT.CK.1310.89460013VIE. 00005	Máy vi tính	BỘ	1	
313	TCT.CK.1506.59500001VIE. 00002	Máy tính xách tay	Cái	1	
314	TCT.CK.1609.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	BỘ	1	
315	TCT.CK.1307.89460913VIE. 00004	Máy in Laser	Cái	1	
316	TCT.CK.1912.49460080VIE. 00001	Máy in laser A4	Cái	1	
317	TCT.CK.1804.49460080VIE. 00002	Máy in laser A4	Cái	1	
318	TCT.CK.1201.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	BỘ	1	
319	TCT.CK.1805.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	
320	TCT.CK.1201.89460013VIE. 00005	Máy vi tính	BỘ	1	
321	TCT.CK.1307.89460913VIE. 00005	Máy in Laser	Cái	1	
322	TCT.CK.1611.88802011VIE. 00004	Máy tính xách tay Dell Vostro	Cái	1	
323	TCT.CK.1310.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	BỘ	1	
324	TCT.CK.1806.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	
325	TCT.CK.1412.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay	Cái	1	
326	TCT.CK.1305.89460913VIE. 00007	Máy in Laser	Cái	1	
327	TCT.CK.1412.88840017VIE. 00002	Máy vi tính xách tay	Cái	1	
328	TCT.CK.1807.88802040VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell XpS 9350 (Core I5)	Cái	1	
329	TCT.CK.1111.89440021VIE. 00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
330	TCT.CK.1201.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
331	TCT.CK.1201.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
332	TCT.CK.1011.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
333	TCT.CK.1011.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
334	TCT.CK.1011.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	Cái	1	
335	TCT.CK.1105.89460906VIE. 00001	Máy Fax	Cái	1	
336	TCT.CK.1112.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
337	TCT.CK.1206.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	

Handwritten signature/initials

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
338	TCT.CK.1309.89460014VIE. 00001	Máy tính xách tay	Cái	1	
339	TCT.CK.1409.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
340	TCT.CK.1409.89460913VIE. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
341	TCT.CK.1012.89460013VIE. 00004	Máy vi tính	Cái	1	
342	TCT.CK.1503.59000943VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
343	TCT.CK.1212.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
344	TCT.CK.1204.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
345	TCT.CK.1306.90717100VIE. 00001	CANON SM 9241100461	Cái	1	
346	TCT.CK.1311.89460901VIE. 00001	Máy chụp hình	Cái	1	
347	TCT.CK.1212.49470007VIE. 00004	Máy vi tính	Cái	1	
348	TCT.CK.1212.49470007VIE. 00002	Máy vi tính	Cái	1	
349	TCT.CK.1212.49470007VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
350	TCT.CK.1212.49470007VIE. 00003	Máy vi tính	Cái	1	
351	TCT.CK.1502.59000943VIE. 00001	Máy vi tính	Cái	1	
352	TCT.CK.2009.59002947MA S.00004	CPU máy vi tính	Cái	1	
353	TCT.CK.2009.59002948000. 00004	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
354	TCT.CK.1105.89460913VIE. 00003	Máy in Laser	Cái	1	
355	TCT.CK.1106.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
356	TCT.CK.1111.89440021VIE. 00002	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
357	TCT.CK.1507.88860080VIE. 00003	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	
358	TCT.CK.1508.88802064VIE. 00001	Máy tính bảng IPAD AIR 2	Cái	1	
359	TCT.CK.1301.89480144VIE. 00002	CPU máy vi tính	Cái	1	
360	TCT.CK.1301.89480144VIE. 00003	CPU máy vi tính	Cái	1	
361	TCT.CK.1306.90733400VIE. 00001	6035 I MAN HÌNH LCD 17" :	Cái	1	
362	TCT.CK.1306.90733500VIE. 00001	MAY VI TINH HP PAVILION	Cái	1	
363	TCT.CK.1412.89460014VIE. 00002	Máy tính xách tay	Cái	1	
364	TCT.CK.1905.59002947VIE. 00001	CPU máy tính	Cái	1	
365	TCT.CK.1410.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
366	TCT.CK.1305.89460013VIE. 00005	Máy vi tính	Bộ	1	
367	TCT.CK.1301.89460013VIE. 00001	Máy vi tính	Bộ	1	
368	TCT.CK.1605.88800022VIE. 00001	Máy Fax Panasonic	Cái	1	
369	TCT.CK.1605.88800022VIE. 00002	Máy Fax Panasonic	Cái	1	
370	TCT.CK.1210.83094670VIE. 00001	Máy Scanner	Cái	1	
371	TCT.CK.1601.88846101VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell E7250-	Cái	1	
372	TCT.CK.1907.88802128VIE. 00004	Máy tính bảng IPAD AIR2	Cái	1	
373	TCT.CK.1402.89460908VIE. 00001	Máy lọc không khí	Cái	1	
374	TCT.CK.1611.88802016VIE. 00001	Máy tính bảng IPAD AIR 2	Cái	1	
375	TCT.CK.1912.88802040VIE. 00001	Máy tính xách tay Dell XPS 9350 (Core I5)	Cái	1	
376	TCT.CK.2101.88802256CH N.00001	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	
377	TCT.CK.1601.88846101VIE. 00003	Máy tính xách tay Dell E7250-	Cái	1	
378	TCT.CK.1604.88800021VIE. 00002	Máy ghi âm KTS	Cái	1	
379	TCT.CK.1611.88802016VIE. 00003	Máy tính bảng IPAD AIR 2 16GB	Cái	1	
380	TCT.CK.2106.59002948CH N.00011	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
381	TCT.CK.2203.88800021000. 00002	Máy ghi âm KTS	Cái	1	
382	TCT.CK.1402.89460904VIE. 00002	Máy ghi âm KTS	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
383	TCT.CK.1406.89460013VIE. 00002	Máy vi tính	Bộ	1	
384	TCT.CK.2007.59002948CH N.00001	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
385	TCT.CK.1309.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
386	TCT.CK.1406.89460013VIE. 00003	Máy vi tính	Bộ	1	
387	TCT.CK.1511.88802036VIE. 00001	Bộ CPU máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
388	TCT.CK.1909.59002948VIE. 00005	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
389	TCT.CK.1710.49460080VIE. 00001	Máy in laser A4	Cái	1	
390	TCT.CK.1811.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
391	TCT.CK.1908.88802037VIE. 00001	Máy vi tính (Core I7)	Cái	1	
392	TCT.CK.1710.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Cái	1	
393	TCT.CK.1411.89470001000. 00001	Tủ lạnh	Cái	1	
394	TCT.CK.1301.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
395	TCT.CK.1312.89460913VIE. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
396	TCT.CK.1211.89460913VIE. 00002	Máy in Laser	Cái	1	
397	TCT.CK.1508.88802035VIE. 00001	Máy vi tính (Core I5)	Bộ	1	
398	TCT.CK.1508.88802035VIE. 00002	Máy vi tính (Core I5)	Bộ	1	
399	TCT.CK.2012.88840017CH N.00028	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	
400	TCT.CK.2103.49460294000. 00001	Amplify hội trường	Cái	1	
401	TCT.CK.1410.89460913VIE. 00001	Máy in Laser	Cái	1	
402	TCT.CK.1606.88802035VIE. 00006	Máy vi tính (Core I5)	Bộ	1	
403	TCT.CK.1604.88860080VIE. 00001	Máy in canon LBP 3300	Cái	1	
404	TCT.CK.2012.49460254000. 00004	Loa Bluetooth	Cái	1	
405	TCT.CK.1903.84080251VIE. 00001	Lo vi song	Cái	1	
406	TCT.CK.1301.83282100VIE. 00001	TIVI	Cái	1	
407	TCT.CK.1712.49460238VIE. 00001	Bo micro không dây	Cái	1	
408	TCT.CK.1911.49460189VIE. 00001	Máy in kim A3	Cái	1	
409	TCT.CK.1908.53003033VIE. 00001	Quạt dao	Cái	1	
410	TCT.CK.2101.53003033000. 00016	Quạt đảo	Cái	1	
411	TCT.CK.1012.89480144VIE. 00001	CPU máy vi tính	Cái	1	
412	TCT.CK.1907.52000009VIE. 00001	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	
413	TCT.CK.1907.52000009VIE. 00002	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	
414	TCT.CK.1907.52000009VIE. 00003	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	
415	TCT.CK.1907.52000009VIE. 00004	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	
416	TCT.CK.2012.88840017CH N.00035	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	
417	TCT.CK.2204.59002948000. 00003	Màn hình máy vi tính	Cái	1	
418	TCT.CK.2002.87146087VIE. 00002	Máy vi tính xách tay ngoài	Cái	1	
419	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00004	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
420	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00005	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
421	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00006	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
422	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00007	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
423	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00008	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
424	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00009	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
425	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00010	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
426	TCT.CK.2101.49470001VIE. 00001	Quạt trần	Cái	1	
427	TCT.CK.1901.88802035VIE. 00003	Máy vi tính (Core I5)	Bộ	1	
428	TCT.CK.2003.49480715VIE. 00002	Dụng cụ diệt khuẩn cầm tay	Cái	1	
429	TCT.CK.1306.90753300VIE. 00001	Máy bơm nước	Cái	1	

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
430	TCT.CK.1306.90753400VIE. 00001	Máy bơm nước	Cái	1	
431	TCT.CK.1910.83292001VIE. 00001	Máy bơm nước	Cái	1	
432	TCT.CK.2008.49480367000. 00001	Bình xịt thuốc	Cái	1	
433	TCT.CK.2011.49480367000. 00001	Bình xịt thuốc	Cái	1	
434	TCT.CK.2110.49480367000. 00002	Bình xịt thuốc	Cái	1	
435	TCT.CK.2110.49480367000. 00003	Bình xịt thuốc	Cái	1	
436	TCT.CK.1503.59002964VIE. 00001	Thiết bị phát sóng Wifi	Cái	1	
437	TCT.CK.1503.59002964VIE. 00002	Thiết bị phát sóng Wifi	Cái	1	
438	TCT.CK.1503.59002964VIE. 00003	Thiết bị phát sóng Wifi	Cái	1	
439	TCT.CK.1503.59002964VIE. 00004	Thiết bị phát sóng Wifi	Cái	1	
440	TCT.CK.1503.59002964VIE. 00005	Thiết bị phát sóng Wifi	Cái	1	
441	TCT.CK.2012.88800016000. 00001	máy lọc không khí	Cái	1	
442	TCT.CK.2012.88800016000. 00002	máy lọc không khí	Cái	1	
443	TCT.CK.2012.88800016000. 00003	máy lọc không khí	Cái	1	
444	TCT.CK.2012.88800016000. 00004	máy lọc không khí	Cái	1	
445	TCT.CK.2012.88800016000. 00005	máy lọc không khí	Cái	1	
446	TCT.CK.2101.88800016000. 00007	máy lọc không khí	Cái	1	
447	TCT.CK.2101.88800016000. 00008	máy lọc không khí	Cái	1	
448	TCT.CK.1511.59002938VIE. 00003	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
449	TCT.CK.1810.59002968VIE. 00001	Điện thoại di động	Cái	1	
450	TCT.CK.1901.88802256VIE. 00001	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	
451	TCT.CK.2012.49460007000. 00040	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
452	TCT.CK.2012.49460125000. 00049	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	
453	TCT.CK.2012.59000406000. 00032	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	
454	TCT.CK.2012.59002392CH N.00009	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	
455	TCT.CK.2012.59002804000. 00052	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
456	TCT.CK.2012.88802256CH N.00004	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	
457	TCT.CK.2012.89010095000. 00008	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cái	1	
458	TCT.CK.1901.59002154VIE. 00001	Ổ cứng HDD 1TB	Cái	1	
459	TCT.CK.1901.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
460	TCT.CK.1902.88802256VIE. 00002	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	
461	TCT.CK.2012.49460007CH N.00012	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
462	TCT.CK.2012.59000406CH N.00010	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	
463	TCT.CK.2012.59002151CH N.00009	Bàn phím máy tính bảng	Cái	1	
464	TCT.CK.2012.59002392CH N.00011	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	
465	TCT.CK.2012.59002804CH N.00007	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
466	TCT.CK.2012.88802128000. 00008	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	
467	TCT.CK.2012.88840085000. 00007	Máy vi tính xách tay macbook	Cái	1	
468	TCT.CK.2012.89010095CH N.00046	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	
469	TCT.CK.1302.59440035VIE. 00001	Ổ đĩa cứng di động	Cái	1	
470	TCT.CK.1703.59002968VIE. 00001	Điện thoại di động	Cái	1	
471	TCT.CK.1804.88802128VIE. 00001	Máy tính bảng IPAD AIR2	Cái	1	
472	TCT.CK.1906.49460080VIE. 00002	Máy in laser A4	Cái	1	
473	TCT.CK.2002.88802256VIE. 00001	Máy tính bảng 256GB	cái	1	
474	TCT.CK.2012.49460007CH N.00013	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
475	TCT.CK.2012.59000406CH N.00011	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	

Kh

STT	Mã VT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
476	TCT.CK.2012.59002151CH N.00010	Bàn phím máy tính bảng	Cái	1	
477	TCT.CK.2012.59002392CH N.00010	Ổ cứng SSD 1TB ònV	Cái	1	
478	TCT.CK.2012.59002804CH N.00008	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
479	TCT.CK.2012.88802128000. 00007	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	
480	TCT.CK.2012.88840085000. 00006	Máy vi tính xách tay macbook Air core i5	Cái	1	
481	TCT.CK.2012.89010095CH N.00047	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cây	1	
482	TCT.CK.1502.59500021VIE. 00001	Máy ghi âm	Cái	1	
483	TCT.CK.1511.59002938VIE. 00005	Điện thoại Panasonic KX-	Cái	1	
484	TCT.CK.1603.88802037VIE. 00001	Máy vi tính (Core i7)	Cái	1	
485	TCT.CK.1710.88840017VIE. 00001	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
486	TCT.CK.1811.88802256VIE. 00001	Máy tính bảng 256GB	Cái	1	
487	TCT.CK.1902.59002285VIE. 00001	Ổ cứng SSD 512GB	Cái	1	
488	TCT.CK.1902.59002285VIE. 00002	Ổ cứng SSD 512GB	Cái	1	
489	TCT.CK.1908.89460013VIE. 00001	Máy vi tính (Core i7)	Cái	1	
490	TCT.CK.1909.59002017VIE. 00001	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	
491	TCT.CK.1912.59002017VIE. 00001	Ổ cứng di động WD 1TB	Cái	1	
492	TCT.CK.1912.59002017VIE. 00002	Ổ cứng di động WD 1TB	Cái	1	
493	TCT.CK.2006.88840017VIE. 00006	Máy vi tính xách tay core i7	Cái	1	
494	TCT.CK.2012.49460007000. 00037	Chuột vi tính (Không dây)	Bộ	1	
495	TCT.CK.2012.49460125000. 00047	Bàn phím không dây Ipad	Cái	1	
496	TCT.CK.2012.59000406000. 00028	Cáp Hub Usb-C 6 in 1	Cái	1	
497	TCT.CK.2012.59002392CH N.00004	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	
498	TCT.CK.2012.59002804000. 00050	Tai nghe AirPods Pro	Cái	1	
499	TCT.CK.2012.88802256CH N.00003	Máy tính bảng 256GB r\V	Cái	1	
500	TCT.CK.2012.89010095000. 00004	Bút cảm ứng cho máy tính bảng Ipad	Cái	1	
501	TCT.CK.2108.59002392CH N.00001	Ổ cứng SSD 1TB	Cái	1	

PHỤ LỤC 8B
BỔ SUNG BÁN THANH LÝ CCDC HƯ HỎNG

STT	Mã CCDC	TÊN CCDC	ĐVT	SL	Tình trạng kỹ thuật
CÔNG CỤ DỤNG CỤ ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ (CÓ CTNH):				14	
1	DVD_CTA_CCDC_00053	Bình nước điện	Cái	1	Hư hỏng
2	DVD_CTA_CCDC_00067	Cân điện tử	Cái	2	Hư hỏng
3	DVD_CTA_CCDC_00074	Điện thoại di động - Samsung J7 Prime	Cái	1	Hư hỏng
4	DVD_CTA_CCDC_00147	Máy hàn điện tử - Hiệu: Jasic	Cái	1	Hư hỏng
5	DVD_CTA_CCDC_00153	Máy in HP - HP LaserJet P1102	Cái	2	Hư hỏng
6	DVD_CTA_CCDC_00152	Máy in - LaserJet 1010	Cái	2	Hư hỏng
7	DVD_CTA_CCDC_00186	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	Hư hỏng
8	DVD_CTA_CCDC_00187	Máy nước nóng lạnh	Cái	4	Hư hỏng
9	DVD_CTA_CCDC_00188	Máy nước nóng lạnh	Cái	4	Hư hỏng
10	DVD_CTA_CCDC_00189	Máy nước nóng lạnh(hotline)	Cái	1	Hư hỏng
11	DVD_CTA_CCDC_00198	Máy tính để bàn	Cái	3	Hư hỏng
12	DVD_CTA_CCDC_00199	Máy tính để bàn	Cái	2	Hư hỏng
13	4.25.13.006.VIE.00.000	Sơn xám - epoxy	Kg	0.72	Hư hỏng
14	4.25.13.014.000.00.000	Chất đóng rắn sơn	Kg	12	Hư hỏng

Như